

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định 19/2022/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành quy định một số nội dung trong công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Yên Bái;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Chi nhánh Yên Bái - Công ty Cổ phần phát triển nông nghiệp công nghệ cao tích hợp Anifer tại Văn bản số 29/2022/ANIFER-CN ngày ngày 06 tháng 12 năm 2022 về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường cho Trang trại chăn nuôi lợn khép kín công nghệ cao và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 605/TTr-STNMT ngày 15 tháng 12 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Chi nhánh Yên Bái - Công ty Cổ phần phát triển nông nghiệp công nghệ cao tích hợp Anifer được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường tại Trang trại chăn nuôi lợn khép kín công nghệ cao với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Trang trại chăn nuôi lợn khép kín công nghệ cao.

1.2. Địa điểm hoạt động: Thôn An Khang, xã Đông An, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

1.3. Giấy đăng ký hoạt động chi nhánh: Mã số chi nhánh số

0108684066-001, đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 12 năm 2019 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Yên Bái cấp cho Chi nhánh Yên Bái - Công ty Cổ phần phát triển nông nghiệp công nghệ cao tích hợp Anifer .

1.4. Loại hình sản xuất: Chăn nuôi lợn (lợn nái, lợn thịt).

1.5. Phạm vi, Quy mô của Trang trại:

- Phạm vi: Trang trại có tổng diện tích là 31,58 ha.

- Quy mô: 50.000 lợn thịt/năm; 2.400 lợn nái/năm; 58.000 lợn con/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải quy định tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn, độ rung quy định tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 04 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 05 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Chủ trang trại:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Chủ trang trại có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải (*bao gồm cả quá trình vận hành thử nghiệm*) bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.


2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 07 năm kể từ ngày ký Giấy phép.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân thành phố Yên Bái tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với trang trại, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ủy ban nhân dân huyện Văn Yên; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đông An, huyện Văn Yên; Giám đốc Chi nhánh Yên Bái - Công ty Cổ phần phát triển nông nghiệp công nghệ cao tích hợp Anifer và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này/.

Nơi nhận.

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch UBND tỉnh (báo cáo);
- Phó Chủ tịch TT UBND tỉnh;
- Phó CVP (TH) UBND tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Trung tâm Điều hành thông minh tỉnh;
- Lưu: VT, TNTM, NLN. 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thế Phước

PHỤ LỤC 01:
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1658/GPMT-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Trong quá trình hoạt động chăn nuôi của Trang trại tổng lượng nước thải phát sinh từ các nguồn thải (*sinh hoạt, chăn nuôi*) là 391,9 m³/ngày đêm, cụ thể từ các nguồn sau:

+ Nước thải sinh hoạt: Nguồn phát sinh từ sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên trong Trang trại là 8,83 m³/ngày đêm.

+ Nước thải chăn nuôi: Nước thải từ hoạt động chăn nuôi lợn (*lợn nái, lợn thịt*) là 383,11 m³/ngày đêm.

- Tổng lượng nước thải sau xử lý là 391,9 m³/ngày đêm.

- Thành phần các chất ô nhiễm chủ yếu trong nước thải là: Chất rắn lơ lửng (TSS), các hợp chất hữu cơ (BOD₅, COD), các chất dinh dưỡng (tổng Nitơ (N), tổng Phốt pho (P)) và các vi sinh vật...

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Nguồn tiếp nhận nước thải của Trang trại là sông Hồng thuộc địa phận thôn An Khang, xã Đông An, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Vị trí xả nước thải của Trang trại là bờ phải sông Hồng thuộc địa phận thôn An Khang, xã Đông An, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 104⁰45', múi chiếu 30) là: X = 2431611; Y = 481527.

2.3. Lưu lượng xả nước thải: Lớn nhất là 400 m³/ngày đêm, tương đương 16,67 m³/giờ.

2.3.1. Phương thức xả nước thải

- Nước thải sau xử lý được dẫn qua hệ thống đường ống xả thải bằng nhựa PVC đường kính D = 200 mm.

- Phương thức xả thải: Nước thải sau xử lý được xả thải theo phương thức tự chảy, theo đường ống nhựa PVC có đường kính 200 mm ra sông Hồng

2.3.2. Chế độ xả nước thải:

Nước thải sau xử lý được xả thải với chế độ liên tục 24 giờ.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải, cụ thể như sau:

- Nước thải sau khi xử lý đạt Quy chuẩn nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, hệ số $K = 1,2$ và Quy chuẩn nước thải chăn nuôi QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột B, hệ số $K_q = 1,1$; $K_f = 0,9$ với các thông số như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Quy chuẩn áp dụng	
			QCVN 62-MT:2016/BTNMT ($K_q = 1,1$; $K_f = 0,9$)	QCVN 14:2008/BTNMT ($k=1,2$)
1	pH	-		5 - 9
2	BOD ₅	mg/l		60
3	COD	mg/l	297	
4	Tổng chất rắn lơ lửng	mg/l		120
5	Tổng Nitơ (theo N)	mg/l	148,5	
6	Tổng Coliform	MPN hoặc CFU/100 ml		5.000
7	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l		1.200
8	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l		4,8
9	Amoni (tính theo N)	mg/l		12
10	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l		60
11	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l		24
12	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l		12
13	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l		12

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom và công trình, thiết bị xử lý nước thải

1.1.1. Nước thải sinh hoạt

- Lắp đặt đường ống nhựa PVC đường kính 100 mm từ nhà vệ sinh về bể tự hoại, bếp ăn chiều dài mỗi đoạn từ 2,0 - 8,0 m. Bể tự hoại 03 ngăn với thông

số kỹ thuật: 4,1 x 2,0 x 1,87 m; tường xây gạch đặc dày 20 cm, tổng số 19 bể.

- Thu gom nước thải từ các bể thu nước thải sinh hoạt về rãnh thu gom nước thải chặn nuôi: Lắp đặt ống nhựa PVC đường kính 110 mm. Tổng chiều dài 471 m, cụ thể như sau:

- + Nhà bảo vệ, nhà sát trùng vòng 1, ở cách ly, bếp (C3): Chiều dài 42 m.
- + Nhà sát trùng vòng 2, nhà ăn tối (C4): Chiều dài 127 m.
- + Nhà công nhân khu lợn thịt (C5): Chiều dài 100 m.
- + Nhà công nhân khu lợn nái (C6): Chiều dài 66 m.
- + Nhà ăn ca, nhà sát trùng, giặt đồ (B7): Chiều dài 29 m.
- + Nhà ăn ca, nhà sát trùng, giặt đồ (A12): Chiều dài 24 m.
- + Nhà bảo vệ, nhà sát trùng lái xe (A2) và Nhà sát trùng xe ô tô (A1): Chiều dài 50 m.

+ Tại khu vực nhà sát trùng xe ô tô (B1), nhà bảo vệ, nhà sát trùng lái xe (B2), nhà chờ xuất heo (B8) thì chiều dài đường ống thu gom nước thải sinh hoạt là 33 m từ B1 về B2 và về B8. Tại khu vực B8, sau bể tự hoại có 01 hố bơm nước thải (*chiều dài x chiều rộng x chiều cao = 1,0 x 1,0 x 1,0 m*). Tại hố bơm Công ty lắp đặt 01 bơm nước thải kèm theo đường ống để bơm nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại chảy về rãnh thu gom nước thải chặn nuôi (*khu vực chuồng nuôi lợn thương phẩm*).

1.1.2. Nước mưa chảy tràn

- Hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn gồm 04 loại: rãnh hở, rãnh kín, cống ngầm (cống tròn, cống hộp), mương thoát, thông số kỹ thuật cụ thể như sau:

+ Rãnh RT1 (*rãnh thu gom nước mưa đường giao thông*): Chiều dài x chiều rộng x chiều sâu = 2.261 m x 0,4 m x 0,5 m, rãnh hở.

+ Rãnh RT2 (*rãnh thu gom, thoát nước mưa khu chuồng nuôi*): Chiều dài x chiều rộng x chiều sâu = 3.768,8 m x 0,3 m x 0,3 m, rãnh hở.

+ Rãnh RT3: Chiều dài x chiều rộng x chiều sâu = 17 m x 0,3 m x 0,4 m, rãnh có nắp đậy.

+ Cống ngầm đường kính 30 cm, chiều dài 186 m.

+ Cống ngầm đường kính 50 cm, chiều dài 8,0 m.

+ Cống hộp qua đường chiều rộng 0,45 m, chiều sâu 0,3 m.

+ Mương thoát nước với tổng chiều dài 465,5 m, chiều rộng mặt 0,9 m, chiều rộng đáy 0,5 m, chiều sâu 0,6 m.

- Hệ thống hố ga thu, lắng nước mưa chảy tràn dọc theo rãnh có thông số kỹ thuật cụ thể như sau:

+ Ga thu nước mưa (GT1): Chiều rộng x dài x sâu = 0,6 m x 0,6 m x 0,8 m. Tổng số lượng 58 cái. Kết cấu bằng bê tông mác 200, dày 100 mm.

+ Ga thu nước mưa (GT2): Chiều rộng x dài x sâu = 0,4 m x 0,5 m x 0,6 m. Tổng số lượng 57 cái. Kết cấu bằng bê tông mác 200, dày 100 mm.

+ Ga thu nước mưa (GT3): Chiều rộng x dài x sâu = 0,6 m x 0,6 m x 0,7 m. Tổng số lượng 01 cái. Kết cấu bằng bê tông mác 200, dày 100 mm.

+ Ga thu nước mưa (GT4): Chiều rộng x dài x sâu = 0,6 m x 0,6 m x 0,7 m. Tổng số lượng 01 cái. Kết cấu bằng bê tông mác 200, dày 100 mm.

1.1.3. Nước thải chăn nuôi

a) Khu lộn nái sinh sản

- Mạng lưới thu gom trong chuồng:

+ Khu chuồng heo đực A4: Dọc dãy chuồng bố trí ống HDPE đường kính $D = 200$ mm, độ dốc 0,5% để thu gom dẫn nước thải từ trong chuồng nuôi đầu nối với hệ thống thu gom chung để dẫn về công trình xử lý nước thải tập trung. Tổng chiều dài tuyến ống thu gom là 116 m.

+ Khu chuồng heo phối A5: Dọc dãy chuồng bố trí ống HDPE đường kính $D = 200$ mm, độ dốc 0,5% để thu gom dẫn nước thải từ trong chuồng nuôi đầu nối với hệ thống thu gom chung để dẫn về công trình xử lý nước thải tập trung. Tổng chiều dài tuyến ống thu gom là 476 m.

+ Khu chuồng lợn mang thai 1 (A6): Dọc dãy chuồng bố trí ống HDPE đường kính $D = 200$ mm, độ dốc 0,5% để thu gom dẫn nước thải từ trong chuồng nuôi đầu nối với hệ thống thu gom chung để dẫn về công trình xử lý tập trung. Tổng chiều dài tuyến ống thu gom là 530 m.

+ Khu chuồng lợn mang thai 2 (A7): Dọc dãy chuồng bố trí ống HDPE đường kính $D = 200$ mm, độ dốc 0,5% để thu gom dẫn nước thải từ trong chuồng nuôi đầu nối với hệ thống thu gom chung để dẫn về công trình xử lý nước thải tập trung. Tổng chiều dài tuyến ống thu gom 434 m.

+ Khu chuồng lợn đẻ (A8): Dọc dãy chuồng bố trí ống HDPE đường kính $D = 200$ mm, độ dốc 0,5% để thu gom dẫn nước thải từ trong chuồng nuôi đầu nối với hệ thống thu gom chung để dẫn về công trình xử lý nước thải tập trung. Tổng chiều dài tuyến ống thu gom là 224 m.

+ Khu chuồng cách ly (A9): Dọc dãy chuồng bố trí ống HDPE đường kính $D = 200$ mm, độ dốc 0,5% để thu gom dẫn nước thải từ trong chuồng nuôi đầu nối với hệ thống thu gom chung để dẫn về công trình xử lý nước thải tập trung. Tổng chiều dài tuyến ống thu gom là 128 m.

+ Bê ngậm rửa tấm đan lót sàn chuồng nuôi với chiều dài 12 m, chiều rộng 3,0 m, chiều sâu 1,0 m. Nền bê tông, tường xây gạch dày 20 cm. Có lắp đặt ống thu gom HDPE, đường kính $D = 200$ thoát nước rửa tấm đan đầu nối với hệ thống thu gom nước thải chăn nuôi để dẫn về khu xử lý nước thải tập trung.

- Mạng lưới thu gom ngoài chuồng:

+ Chuồng lợn cai sữa: Rãnh thu chạy ngang chuồng (*chiều rộng 0,4 m, chiều sâu 0,5 m*), tổng chiều dài 132 m. Rãnh, hố thu nước và phân được xây dựng bằng gạch, có nắp đậy kín; cống ngang chuồng (*thu gom và nối tiếp sau các rãnh dọc chuồng nuôi*) là cống bê tông cốt thép, đường kính $D = 1,0$ m, tổng chiều dài 132 m.

+ Chuồng lợn nái sinh sản: Rãnh thu chạy ngang chuồng (*chiều rộng 0,4 m, chiều sâu 0,5 m*), tổng chiều dài 325 m. Rãnh, hố thu nước và phân được xây dựng bằng gạch, có nắp đậy kín; cống (*thu gom và nối tiếp sau các rãnh ngang chuồng nuôi*) là cống bê tông cốt thép, đường kính $D = 1,0$ m, tổng chiều dài 185 m. Dọc cống bố trí 08 hố ga (*chiều dài 1,0 m, chiều rộng 1,0 m, chiều sâu 1,0 m*).

+ Chuồng lợn cách ly: Rãnh thu (*chiều rộng 0,4 m, chiều sâu 0,5 m*), tổng chiều dài 92 m. Rãnh, hố thu nước và phân được xây dựng bằng gạch, có nắp đậy kín; cống ngang chuồng (*thu gom và nối tiếp sau các rãnh dọc chuồng nuôi*) là cống bê tông cốt thép, đường kính $D = 1,0$ m, tổng chiều dài 132 m.

+ Cống thu gom nước thải chăn nuôi (*chạy dọc xưởng phân*): Cống bê tông cốt thép, đường kính 1,0 m. Cống thu gom thoát nước C2: Chiều dài 873 m.

b) Khu lợn thương phẩm

- Mạng lưới thu gom trong chuồng:

+ Chuồng nuôi lợn thương phẩm: Dọc dãy chuồng bố trí ống HDPE đường kính $D = 0,2$ m, độ dốc 0,5% để thu gom dẫn nước thải từ trong chuồng nuôi đầu nối với hệ thống thu gom chung để dẫn về công trình xử lý nước thải tập trung. Tổng chiều dài tuyến ống thu gom là 232 m.

+ Chuồng nuôi lợn cai sữa: Dọc dãy chuồng bố trí ống HDPE đường kính $D = 0,2$ m, độ dốc 0,5% để thu gom dẫn nước thải từ trong chuồng nuôi đầu nối với hệ thống thu gom chung để dẫn về công trình xử lý nước thải tập trung. Tổng chiều dài tuyến ống thu gom là 208 m.

+ Bể chứa nước thải máng vầy: Chiều dài 15 m, chiều rộng 3,0 m, chiều sâu 0,9 m. Nền bê tông, tường xây gạch dày 20 cm. Có ống HDPE D200 thoát nước rửa tấm đan đầu nối với hệ thống thu gom nước thải chăn nuôi.

- Mạng lưới thu gom ngoài chuồng

+ Khu vực chuồng nuôi: Xây dựng rãnh thu gom chạy dọc theo các khu chuồng nuôi (*chiều rộng 0,4 m, chiều sâu 0,5 m*), tổng chiều dài 570 m. Cuối mỗi dãy chuồng nuôi bố trí 01 hố thu nước và phân. Rãnh, hố thu nước và phân được xây dựng bằng gạch, có nắp đậy kín. Cống ngang chuồng (*thu gom và nối tiếp sau các rãnh dọc chuồng nuôi*) là cống bê tông cốt thép, đường kính $D = 1,0$ m, cống thu gom thoát nước C1 có chiều dài 253 m.

+ Hố thu phân: Cuối mỗi dãy chuồng và dọc theo hệ thống cống, rãnh thu gom nước thải chăn nuôi, Trang trại bố trí các hố thu phân:

Hố thu phân (HT1): dài x rộng x sâu = 1,0 m x 1,0 m x 1,0 m. Tổng số 29 cái.

Hố thu phân (HT2): dài x rộng x sâu = 2,0 m x 1,0 m x 1,0 m. Tổng số 12 cái.

Hố thu phân (HT3): dài x rộng x sâu = 1,0 m x 1,0 m x 1,8 m. Tổng số 59 cái.

Hố thu phân (HT4): dài x rộng x sâu = 2,0 m x 1,0 m x 1,8 m. Tổng số 16 cái.

Hố thu phân (HT5): dài x rộng x sâu = 1,0 m x 1,0 m x 2,3 m. Tổng số 01 cái.

Hố thu phân (HT6): dài x rộng x sâu = 1,0 m x 1,0 m x 1,2 m. Tổng số 01 cái.

- Công trình thoát nước thải: Toàn bộ nước thải sau hệ thống xử lý được đầu nối qua đường ống nhựa PVC có đường kính $D = 200$ mm ra sông Hồng.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

1.2.1. Nước thải sinh hoạt: Quy trình xử lý: Nước thải sinh hoạt của công nhân phát sinh từ các khu nuôi heo thương phẩm, khu nái sinh sản theo đường ống dẫn thu gom về các bể tự hoại 03 ngăn theo cơ chế tự chảy, sau đó đưa về hệ thống xử lý nước thải chăn nuôi để xử lý.

1.2.2. Nước mưa chảy tràn: Quy trình xử lý: Nước mưa chảy tràn được thu gom vào các hệ thống rãnh thoát nước và lắng qua các hố ga trước khi thải ra môi.

1.2.3. Nước thải chăn nuôi

- Tóm tắt quy trình xử lý nước thải chăn nuôi: Toàn bộ lượng nước thải chứa phân phát sinh tại khu vực chăn nuôi (lợn nái, lợn thịt) được dẫn chảy về bể lắng phân. Từ bể lắng phân, nước thải được bơm lên máy ép trục vít, phần phân sau ép sử dụng sản xuất phân hữu cơ vi sinh, phần nước sau khi được ép sẽ đưa sang lần lượt 04 hồ biogas để tiếp tục xử lý, nước sau khi qua các hồ biogas được đưa sang hồ điều hòa. Nước thải sau hồ điều hòa nước được bơm cưỡng bức lên cụm bể phản ứng 1 sau đó sang bể lắng 1, sau đó sẽ tự chảy vào hồ thiếu khí, nước thải sau hồ thiếu khí được đưa sang hồ sinh học hiếu khí. Sau đó nước thải tiếp tục được đưa sang cụm bể phản ứng 2, sau đó nước được đưa sang bể lắng 2. Tại bể lắng 2 sử dụng hóa chất khử trùng để tiêu diệt vi sinh vật như Ecoli, Coliform... Nước thải sau xử lý và khử trùng đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT (Cột B) rồi xả thải ra nguồn tiếp nhận là sông Hồng.

- Công suất thiết kế của công trình xử lý nước thải là $500 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

- Các loại hóa chất, chế phẩm sinh học sử dụng: Javen, PAC, NaHCO_3 , Polymer.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Chủ trang trại phải thực hiện lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục (có camera theo dõi và thiết bị lấy mẫu tự động) đối với nước thải và kết nối, truyền số liệu trực tiếp về Sở Tài nguyên và Môi trường sau khi Chính phủ quy định về thời điểm lắp đặt theo quy định tại Khoản 4 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

1.4. Biện pháp, công trình ứng phó sự cố

- Đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải đảm bảo theo đúng thiết kế.
- Thường xuyên kiểm tra theo dõi hoạt động của hệ thống xử lý, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ hệ thống đảm bảo hệ thống hoạt động không bị quá tải.
- Trong trường hợp hệ thống xử lý chưa đáp ứng yêu cầu Trang trại sẽ ngừng tăng đàn và không xả lượng nước thải chưa đáp ứng yêu cầu ra ngoài môi trường, Công ty thực hiện bơm toàn bộ nước thải vào hồ sự cố để lưu giữ tạm thời.
- Hồ sự cố với kích thước (*dài x rộng x sâu = 43 m x 15 m x 4 m*). Nước thải chỉ xả ra môi trường khi chất lượng thải đảm bảo yêu cầu QCVN 62-MT:2016/BTNMT.
- Chủ trang trại dự phòng bơm di động và đường ống để sẵn sàng bơm nước thải từ khu vực xảy ra sự cố về hồ sự cố và bố trí 01 đường ống cố định PVC D110 để dẫn nước thải từ bể điều hòa về hồ sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Thời gian vận hành thử nghiệm là 03 tháng kể từ ngày cấp giấy phép môi trường.

2.2. Công trình xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải có công suất 500 m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Vị trí lấy mẫu nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tại điểm xả ra sông Hồng. Tọa độ vị trí xả nước thải (*theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 104^o45', múi chiếu 3^o*) là: X = 2431611; Y = 481527.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Giám sát các thông số ô nhiễm bao gồm 13 chỉ tiêu, cụ thể: pH, BOD5, COD, tổng chất rắn lơ lửng, tổng Nitơ (theo N), tổng Coliform, tổng chất rắn hòa tan, Sunfua (tính theo H₂S), Amoni (tính theo N), Nitrat (NO₃⁻) (tính theo N), dầu mỡ động, thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, Phosphat (PO₄³⁻) (tính theo P).

2.3. Tần suất lấy mẫu

2.3.1. Mẫu tổ hợp: Một mẫu tổ hợp được lấy theo thời gian gồm 03 mẫu đơn lấy ở 03 thời điểm khác nhau trong ngày (*sáng, trưa - chiều, chiều - tối*) hoặc ở 03 thời điểm khác nhau (đầu, giữa, cuối) của ca sản xuất, được trộn đều với nhau;

2.3.2. Thời gian đánh giá trong giai đoạn điều chỉnh hiệu quả của công trình xử lý nước thải ít nhất là 75 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm. Tần suất và thông số quan trắc được quy định như sau: Tần suất quan trắc nước thải tối thiểu là 15 ngày/lần (*đo đạc, lấy và phân tích mẫu tổ hợp đầu vào và đầu ra của công trình xử lý nước thải*); thông số quan trắc thực hiện theo giấy phép môi trường.

Trường hợp cần thiết, chủ trang trại có thể đo đạc, lấy và phân tích thêm một số mẫu đơn đối với nước thải sau xử lý của công trình xử lý chất thải trong

giai đoạn này để đánh giá theo quy chuẩn kỹ thuật về chất thải và có giải pháp điều chỉnh, cải thiện, bổ sung công trình xử lý nước thải đó theo hướng tốt hơn;

2.3.3. Thời gian đánh giá hiệu quả trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải ít nhất là 07 ngày liên tiếp theo quy định; trường hợp bất khả kháng không thể đo đạc, lấy và phân tích mẫu liên tiếp thì phải thực hiện đo đạc, lấy và phân tích mẫu sang ngày kế tiếp. Tần suất và thông số quan trắc được quy định như sau: Tần suất quan trắc nước thải ít nhất là 01 ngày/lần (*đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào và ít nhất 07 mẫu đơn nước thải đầu ra trong 07 ngày liên tiếp của công trình xử lý nước thải*); thông số quan trắc thực hiện theo giấy phép môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom, xử lý nước mưa chảy tràn, nước thải sinh hoạt, nước thải chăn nuôi của Trang trại đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này, đảm bảo các quy chuẩn quốc gia về môi trường hiện hành trước khi xả ra ngoài môi trường.

- Thực hiện quan trắc định kỳ chất lượng nước thải phát sinh từ cơ sở với tần suất 03 tháng/01 lần theo quy định.

PHỤ LỤC 02:

YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI (Kèm theo Giấy phép môi trường số ~~2638~~/GPMT-UBND ngày ~~17~~ tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

1. Nguồn phát sinh bụi, khí thải

Bụi, khí thải phát sinh từ các hoạt động chăn nuôi, xử lý chất thải, từ các phương tiện giao thông vận tải của cán bộ, công nhân, xe vận chuyển lợn, thức ăn chăn nuôi,... Thành phần chủ yếu là bụi, NH₃, N₂O, CH₄, CO, SO₂, NO_x, VOC...

2. Công trình, biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải

- Trong quá trình sản xuất phân được thực hiện trong nhà kín, thực hiện phun chế phẩm vi sinh EMIC với tần suất 01 lần/tuần tại khu vực sản xuất phân.

- Bố trí các quạt hút gió tại các vị trí hút gió ở các chuồng nuôi lợn đảm bảo giữ cho môi trường thông thoáng; thường xuyên bố trí công nhân thu gom chất thải, quét dọn vệ sinh chuồng trại để xử lý tránh gây phát tán ra môi trường xung quanh.

- Dùng tấm lưới quây quanh khu vực quạt thông gió khu vực các chuồng nuôi, đồng thời thường xuyên phun chế phẩm EM trực tiếp bằng các Pec phun lên tấm lưới, nhằm hạn chế tối đa việc phát tán mùi hôi, thổi ra khu vực xung quanh; khử mùi hôi tại chuồng nuôi trong trang trại và khu vực chứa phân, bùn thải bằng chế phẩm vi sinh EMIC với tần suất 01 lần/tuần.

- Thực hiện che kín khu vực bể thu nước và phân từ các chuồng nuôi về trước khi đưa vào máy ép phân.

- Xây dựng hệ thống mương rãnh, ống dẫn nước thải đều thiết kế kín (để tránh thoát mùi); thường xuyên nạo vét, duy tu, bảo trì, vận hành, hệ thống xử lý nước thải đảm bảo nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột B.

- Trồng cây xanh xung quanh khu vực trang trại để hạn chế việc phát sinh lượng khí thải từ hoạt động chăn nuôi ra ngoài môi trường.

- Rải vôi xung quanh khu vực trang trại.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Thực hiện nghiêm các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh trong giai đoạn hoạt động đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm theo QCVN 02:2019/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc chp phép bụi tại nơi làm việc; QĐ 3733:2002/BYT- Quyết định của Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động.

PHỤ LỤC 03:

YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2658/GPMT-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

1. Nguồn phát sinh

Trong giai đoạn hoạt động, tại Trang trại sẽ phát sinh tiếng ồn từ hoạt động chăn nuôi, hoạt động vận chuyển thức ăn, vận chuyển lợn, hoạt động máy móc, thiết bị xử lý chất thải.

2. Công trình, biện pháp giảm thiểu

- Xây dựng tường bao xung quanh khu vực trang trại.
- Trồng cây xanh trong khuôn viên trang trại.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Thực hiện nghiêm các biện pháp giảm thiểu tác động của tiếng ồn, độ rung phát sinh trong giai đoạn hoạt động đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm theo: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 24/2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung; Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 27:2010/BTNMT quy định giới hạn tối đa cho phép mức gia tốc rung tại các khu vực có con người sinh sống.

PHỤ LỤC 04:

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ~~2639~~ GPMT-UBND ngày ~~27~~ tháng 12 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

- Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên của Trang trại, khối lượng phát sinh là 138 kg/ngày.

- Chất thải phát sinh từ hoạt động chăn nuôi: Khối lượng phân thải phát sinh là 80 tấn/ngày.

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải phát sinh là 50,84 kg/ngày.

- Chất thải thông thường khác như: thùng cát tông, thùng chứa thuốc, vỏ bao bì, ... khối lượng phát sinh là 20 kg/ngày.

- Chất thải nguy hại: Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên: Chất thải nguy hại phát sinh chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang thải, giẻ lau dính dầu, các loại dầu mỡ thải, bùn thải, cặn thải từ hệ thống xử lý nước cấp, chất thải có thành phần nguy hại từ quá trình vệ sinh chuồng trại... với khối lượng trung bình khoảng 78 kg/tháng, cụ thể như sau:

TT	Loại CTNH	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại thông thường	Khối lượng (kg/tháng)
1	Dầu thải	16 01 12	Rắn	2,0
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	5,0
3	Rẻ lau, gang ty dính dầu mỡ	18 02 01	Rắn/lỏng	1,0
4	Hoá chất thải có chứa thành phần nguy hại (thuốc sát trùng thừa thải...)	13 02 02	Rắn, lỏng	10
5	Chất thải có các thành phần nguy hại từ quá trình vệ sinh chuồng trại (vỏ bao bì, chai lọ thuốc sát trùng thải, thuốc thú y...)	14 02 02	Rắn, lỏng bùn	
6	Bùn thải, cặn thải có thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước cấp	12 09 03	Rắn	60

7	Lợn chết do dịch bệnh	14 02 01	Rắn	Phát sinh khi có dịch bệnh
Tổng				78

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Bố trí khu lưu giữ chất thải nguy hại với diện tích 15 m², kích thước: dài x rộng x cao = 4,4 x 3,5 x 3,5 m, đặt sau khu vực nhà lớp học 04 tầng. Khu lưu giữ có nền bê tông chống thấm, tường bao quanh xây cao 3,5 m, mái lợp bằng tôn. Chủ trang trại có trách nhiệm thuê đơn vị có đủ năng lực để vận chuyển xử lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Bố trí khu lưu giữ chất thải nguy hại với diện tích 18 m², kích thước chiều dài x chiều rộng x chiều cao = 6,0 m x 3,0 m x 4,2 m. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại xây tường gạch dày 110mm xây xung quanh, mái tôn, nền bê tông, có 01 cửa ra vào, có 01 gờ ngăn khu vực cửa ra vào (*chiều rộng 110 mm, chiều cao 10 cm*). Chủ trang trại có trách nhiệm thuê đơn vị có đủ năng lực để vận chuyển xử lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường

2.2.1. Chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải: Thu gom vào bể chứa nước thải và chuyển làm nguyên liệu sản xuất phân hữu cơ.

- Chất thải rắn từ hoạt động chăn nuôi (phân thải): Công ty xây dựng 01 kho chứa tạm phân thải (*khu lợn nái sinh sản A11*) để tập kết tạm phân thải trước khi chuyển về xưởng sản xuất phân hữu cơ. Kho phân có diện tích 34,79 m², kích thước: Chiều dài x chiều rộng = 7,1 m x 4,9 m. Mái lợp tôn, tường xây bao quanh dày 110 mm.

- Một số loại chất thải rắn thông thường: Bao bì, thùng cát tông, thùng chứa thuốc, vỏ bao bì... có khả năng tái sử dụng sẽ được thu gom và bán cho các đơn vị và cá nhân có nhu cầu. Các loại chất thải rắn thông thường còn lại được thu gom và vận chuyển đến nơi xử lý cùng với rác thải sinh hoạt.

2.2.2. Chất thải rắn sinh hoạt

- Bố trí các xô, sọt để thu gom rác thải sinh hoạt tại các khu vực phát sinh. Rác thải sinh hoạt được tập kết tại 02 thùng chứa rác bằng nhựa composite (loại 200 lít) có nắp đậy và thuê đơn vị chức năng vận chuyển, xử lý.

- Kho tập kết trước khi chuyển đi xử lý diện tích 3,2 m², kích thước dài x rộng = 2,0 m x 1,6 m. Mái lợp tôn, tường xây bao quanh dày 110 mm.

2.2.3. Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải: Được dùng để sản xuất phân phân hữu cơ.

2.2.4. Đối với xác lợn chết (không do dịch bệnh): Công ty đã bố trí khu vực chôn lấp xác lợn chết với diện tích 4.421 m² phía Tây Bắc của Trang trại để chôn xác lợn chết. Khu vực xử lý xác lợn chết đảm bảo cách xa khu vực chăn nuôi, nguồn nước và không gây ảnh hưởng đến người dân sinh sống xung quanh khu vực trang trại.

B. YÊU CẦU VỀ ỨNG PHÓ MÔI TRƯỜNG

- Thường xuyên kiểm tra theo dõi hoạt động của hệ thống xử lý nước thải. Định kỳ duy tu, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải đảm bảo hệ thống hoạt động không bị quá tải. Trường hợp hệ thống xử lý nước thải chưa đáp ứng được yêu cầu ngừng việc tăng đàn và không xả nước thải chưa được xử lý nước thải ra ngoài môi trường, toàn bộ nước thải phải đưa về hồ sục cố để lưu giữ tạm thời.

- Thực hiện các biện pháp phòng cháy, chữa cháy theo quy định về phòng cháy, chữa cháy.

- Các loại chất thải nguy hại phải được phân loại, để đúng vào các thùng chứa được dán nhãn, mã số quản lý chất thải nguy hại; kho chứa chất thải nguy hại phải đảm bảo theo quy định. Định kỳ thuê đơn vị có đầy đủ chức năng để vận chuyển, xử lý đảm bảo theo quy định.

PHỤ LỤC 05:

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ~~2659~~ GPMT-UBND ngày ~~21~~ tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

Thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung theo Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường được cấp phép; tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật có liên quan, đặc biệt lưu ý tuân thủ các yêu cầu cụ thể sau:

1. Thường xuyên vận hành công trình xử lý chất thải (*đặc biệt là nước thải, phân thải, mùi*) và phải xử lý đảm bảo các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường trước khi thải ra ngoài môi trường trong quá trình hoạt động chăn nuôi tại Trang trại.

2. Tổ chức thi công xây dựng theo đúng tọa độ, ranh giới, diện tích được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.

3. Thực hiện quản lý các loại chất thải phát sinh trong quá trình thực hiện trang trại (*xác lợn chết, phân thải, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại, ...*) đảm bảo theo quy định.

4. Tuyệt đối không sử dụng các loại máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất và các vật liệu khác bị cấm sử dụng tại Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành.

5. Thực hiện nghiêm Chương trình quản lý, giám sát, quan trắc môi trường như đã đề xuất trong Báo cáo; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát môi trường và định kỳ báo cáo cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường; bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình giám sát môi trường như đã nêu trong Báo cáo.

6. Thực hiện các yêu cầu của cơ quan chức năng trong quá trình thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật về môi trường đối với Trang trại.

7. Có trách nhiệm hợp tác và tạo điều kiện thuận lợi để cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra thực hiện kế hoạch quản lý môi trường, việc triển khai các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; cung cấp đầy đủ các thông tin, số liệu liên quan đến Trang trại khi được yêu cầu./.